

Số: 230/2026/QĐST-HNGĐ

Ninh Bình, ngày 18 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 136/2026/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2026 giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kim D, sinh ngày 15/10/1982; căn cước công dân số: 036182009512; nơi đăng ký thường trú: Số E T, phường N, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Tổ dân phố L, phường N, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Trần Doãn T, sinh ngày 24/7/1981; căn cước công dân số: 036081011778; nơi đăng ký thường trú: Tổ dân phố I, phường T, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Tổ dân phố L, phường N, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ các Điều 147, 212 và 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá XIV quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Kim D và anh Trần Doãn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Trần Thị Kim D và anh Trần Doãn T có hai con chung là Trần Thị Thùy T1 (Giới tính: Nữ), sinh ngày 03/10/2005 hiện đã trưởng thành và Trần Doãn P (Giới tính: Nam), sinh ngày 24/10/2013. Chị Trần Thị Kim D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Doãn P; việc cấp dưỡng nuôi con chung do anh chị tự giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản: Chị Trần Thị Kim D và anh Trần Doãn T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng.

- Về án phí: Chị Trần Thị Kim D chịu án phí ly hôn theo quy định là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001375 ngày 24/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Hoàn trả lại cho chị Trần Thị Kim D 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì chị Trần Thị Kim D và anh Trần Doãn T có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND KV7-Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND phường Nam Định, Ninh Bình;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu: VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Quang